



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
UNIVERSITY OF INFORMATION AND TECHNOLOGY

KHU PHỐ 6, PHƯỜNG LINH TRUNG, THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

[T] 028 3725 2002 Ext: 0

[F] 028 3725 2148

[W] www.uitt.edu.vn

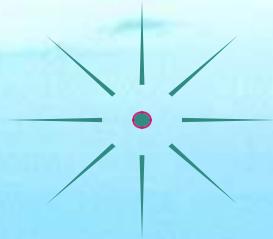
[E] info@uit.edu.vn



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

**MÔN HỌC
PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG
(GENERAL LAW)**

CHƯƠNG 5: QUAN HỆ PHÁP LUẬT



NỘI DUNG

1

KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM QUAN HỆ PL

2

THÀNH PHẦN QUAN HỆ PHÁP LUẬT

3

SỰ KIỆN PHÁP LÝ



CHƯƠNG 5: QUAN HỆ PHÁP LUẬT

I. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT

1. Khái niệm

- Là những quan hệ nảy sinh trong đời sống xã hội
- Trong đó các chủ thể tham gia có những quyền và nghĩa vụ được pháp luật quy định và đảm bảo thực hiện

Ngoại lệ:

- Trong một số trường hợp không có QPPL điều chỉnh nhưng vẫn có thể hình thành quan hệ pháp luật.

Ví dụ: Trong QHDS, trường hợp các bên không có thỏa thuận và pháp luật không có quy định thì có thể áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, các nguyên tắc cơ bản của PL dân sự, án lệ, lẽ công bằng để điều chỉnh.



CHƯƠNG 5: QUAN HỆ PHÁP LUẬT

I. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT





CHƯƠNG 5: QUAN HỆ PHÁP LUẬT

I. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT

2. Đặc điểm

QHPL phải là quan hệ xã hội, luôn gắn liền với sự kiện pháp lý

QHPL là các QHXH có ý chí

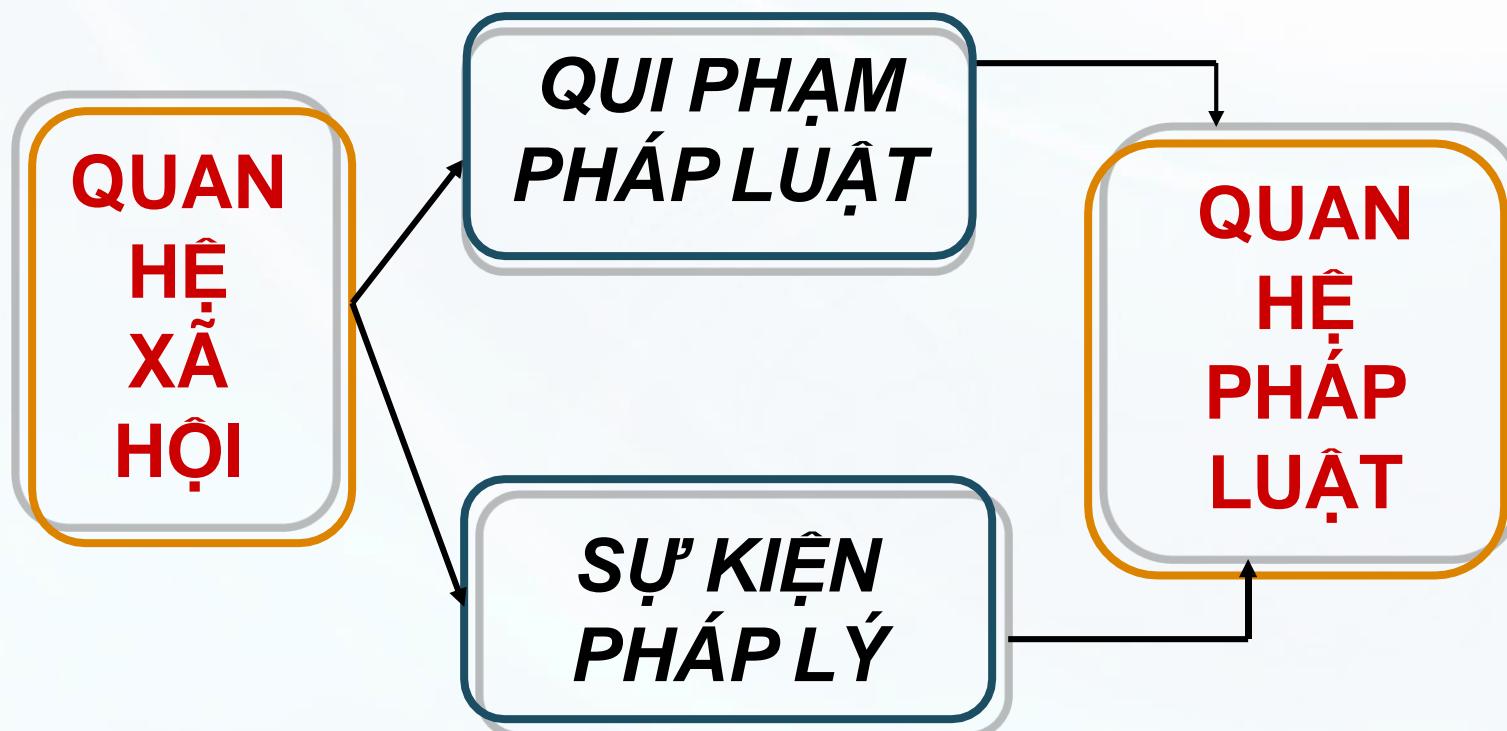
QHPL chịu sự điều chỉnh bởi QPPL



CHƯƠNG 5: QUAN HỆ PHÁP LUẬT

I. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT

2. Đặc điểm





CHƯƠNG 5: QUAN HỆ PHÁP LUẬT

I. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT

2. Đặc điểm

QUAN HỆ PHÁP LUẬT MANG TÍNH Ý CHÍ





CHƯƠNG 5: QUAN HỆ PHÁP LUẬT

I. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT

2. Đặc điểm

**QHPL HÌNH THÀNH TRÊN
CƠ SỞ QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

**KHÔNG CÓ QUY
PHẠM PHÁP LUẬT, SẼ
KHÔNG CÓ QUAN HỆ
PHÁP LUẬT**

**QUY PHẠM PHÁP LUẬT
LÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ
CHO VIỆC HÌNH THÀNH
QUAN HỆ PHÁP LUẬT**



CHƯƠNG 5: QUAN HỆ PHÁP LUẬT

**TRONG TRƯỜNG HỢP NÀO SAU ĐÂY
XUẤT HIỆN QUAN HỆ PHÁP LUẬT, VÌ SAO ?**

- 1. E & F yêu nhau, sau một năm chia tay**
- 2. A chăm sóc bác ruột của mình bị bệnh tại bệnh viện Bác sĩ A mổ cho bệnh nhân B**
- 3. B đính hôn với C, sau đó B lại đăng ký kết hôn và cưới E làm vợ**
- 4. H và K yêu nhau, họ thuê nhà trọ chung sống với nhau và có một con chung**
- 5. A thuê xe chở hàng hóa từ Sài Gòn về Long An**



CHƯƠNG 5: QUAN HỆ PHÁP LUẬT

I. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT

3. Phân loại

PHÂN CHIA
CÁC NGÀNH
LUẬT

- QHPL hành chính, QHPL dân sự, QHPL hình sự,...



NỘI DUNG
QHPL

- QHPL có nội dung cần điều chỉnh bằng PL: QHHĐ, QHLĐ
- QHPL hình thức: QHPL TTHS...



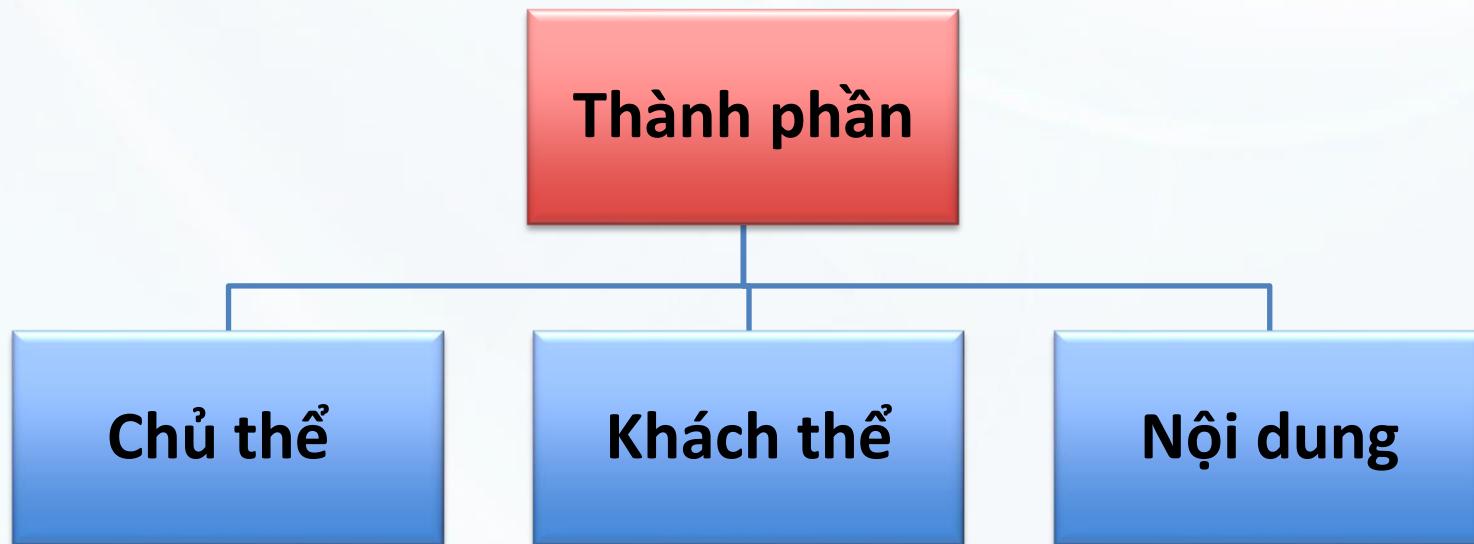
TÍNH CHẤT
CHỦ THỂ

- QHPL công pháp
- QHPL tư pháp



CHƯƠNG 5: QUAN HỆ PHÁP LUẬT

II. THÀNH PHẦN CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT





CHƯƠNG 5: QUAN HỆ PHÁP LUẬT

II. THÀNH PHẦN CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT



Cá nhân:

- Công dân VN
- Người nước ngoài
- Người không quốc tịch

Tổ chức:

- Có tư cách pháp nhân
- Không có tư cách pháp nhân



CHƯƠNG 5: QUAN HỆ PHÁP LUẬT

II. THÀNH PHẦN CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT

2.1 Chủ thể quan hệ pháp luật

Chủ thể là tổ chức

Pháp nhân:

Được thành lập hợp pháp, có cơ cấu tổ chức chắc chắn, có tài sản độc lập và tự chịu trách nhiệm bằng TS đó, nhân danh mình tham gia các QHPL một cách độc lập.

Không là pháp nhân:

Tổ chức không đủ các điều kiện là pháp nhân và; NN, là chủ thể đặc biệt chỉ tham gia và QHXH cơ bản. NN tự quyết định loại QHPL mà mình sẽ tham gia và tự quy định quyền và nghĩa vụ của mình trong đó.

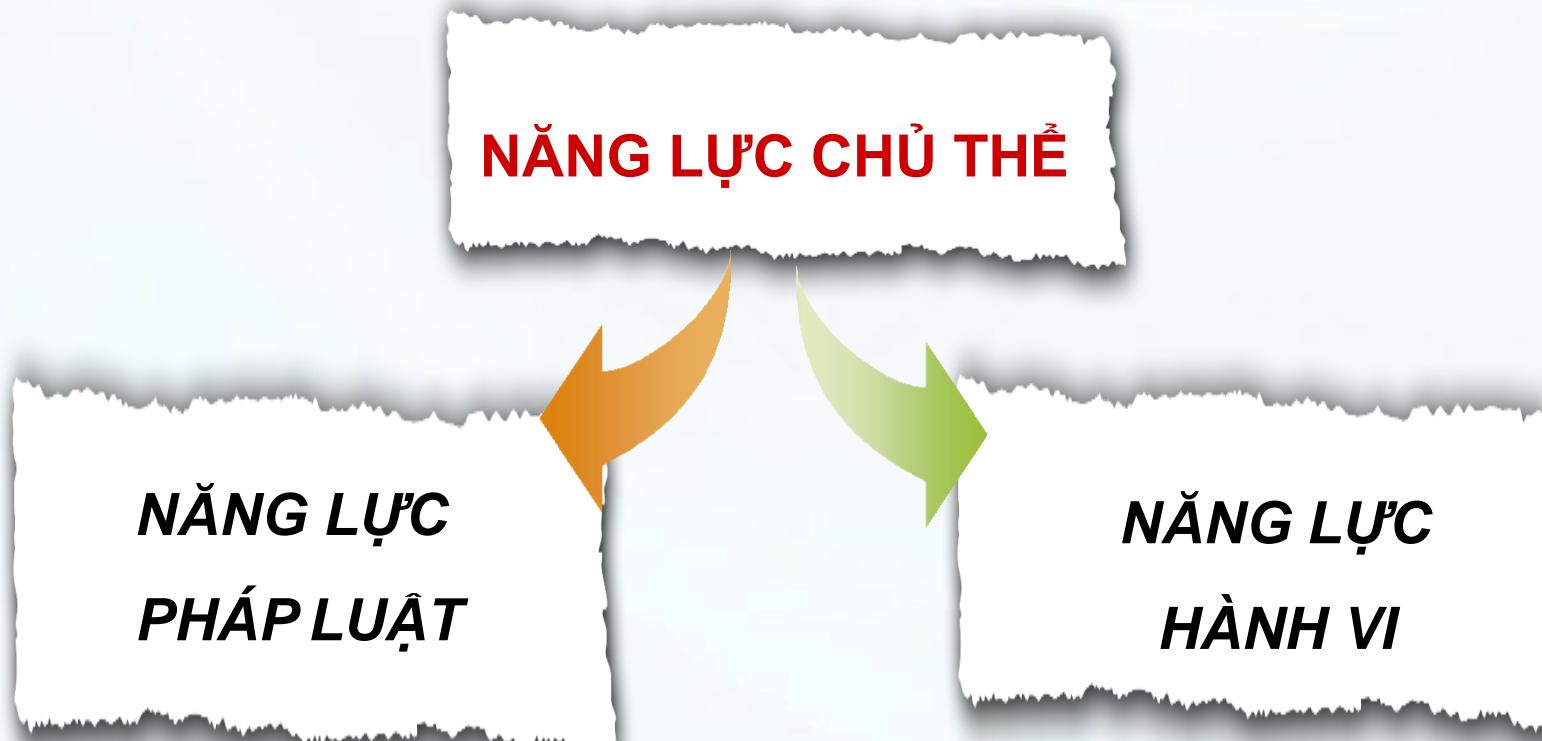


CHƯƠNG 5: QUAN HỆ PHÁP LUẬT

II. THÀNH PHẦN CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT

2.1. Chủ thể quan hệ pháp luật

ĐIỀU KIỆN ĐỂ CÁ NHÂN, TỔ CHỨC CÓ THẺ TRỞ THÀNH
CHỦ THẺ QHPL LÀ PHẢI CÓ NĂNG LỰC CHỦ THẺ





CHƯƠNG 5: QUAN HỆ PHÁP LUẬT

II. THÀNH PHẦN CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT

NĂNG
LỰC
PHÁP
LUẬT



Năng lực pháp luật:

Là **khả năng** của các cá nhân / tổ chức **có** các quyền & nghĩa vụ pháp lý nhất định theo quy định của pháp luật.



Năng lực pháp luật xuất hiện:

- **Cá nhân:** Từ khi con người sinh ra và tồn tại cho đến khi người đó chết.
- **Tổ chức:** từ khi thành lập đến khi giải thể hoặc phá sản.



CHƯƠNG 5: QUAN HỆ PHÁP LUẬT

II. THÀNH PHẦN CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT

NĂNG
LỰC
HÀNH
VI



Khả năng của cá nhân hay tổ chức bằng hành vi của chính mình thực hiện quyền và nghĩa vụ pháp lý theo quy định của pháp luật.



Chỉ xuất hiện khi con người đạt đến một độ tuổi nhất định và phải có trạng thái thần kinh bình thường.



CHƯƠNG 5: QUAN HỆ PHÁP LUẬT

II. THÀNH PHẦN CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT

2.1 Chủ thể quan hệ pháp luật

TÓM LẠI:

Lưu ý:

- * Tổ chức: năng lực pháp luật và năng lực hành vi xuất hiện cùng một lúc
- * Cá nhân: năng lực pháp luật xuất hiện trước năng lực hành vi

- * Để tham gia quan hệ pháp luật, chủ thể phải có đủ:
 - * Năng lực pháp luật và năng lực hành vi
 - * Năng lực pháp luật là tiền đề của năng lực hành vi
 - * Không thể có năng lực hành vi nếu không có năng lực pháp luật



CHƯƠNG 5: QUAN HỆ PHÁP LUẬT

II. THÀNH PHẦN CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT

2.2 Khách thể





CHƯƠNG 5: QUAN HỆ PHÁP LUẬT

II. THÀNH PHẦN CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT

2.2 Khách thể

Hãy xác định khách thể trong các quan hệ pháp luật sau đây:

1. A mua của B một lô đất trị giá 500 triệu đồng.
2. C hợp đồng với D vận chuyển hàng hóa.
3. E kiện F ra Tòa án đòi quyền tác giả cho bài hát của mình.



CHƯƠNG 5: QUAN HỆ PHÁP LUẬT

II. THÀNH PHẦN CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT

2.3 NỘI DUNG QUAN HỆ PHÁP LUẬT

Nội
dung
quan
hệ
pháp
luật

*Thể hiện
quyền và
nghĩa vụ
pháp lý của
các chủ thể
khi tham gia
quan hệ
pháp luật*

**QUYỀN
CHỦ THỂ**

**NGHĨA VỤ
PHÁP LÝ**



CHƯƠNG 5: QUAN HỆ PHÁP LUẬT

II. THÀNH PHẦN CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT

2.3 NỘI DUNG QUAN HỆ PHÁP LUẬT

Quyền pháp lý

- Là khả năng của chủ thể được lựa chọn cách xử sự trong giới hạn pháp luật cho phép.
- Nhằm đạt được mục đích đề ra và phù hợp với quy định của PL

Nghĩa vụ pháp lý

- Là cách xử sự bắt buộc của một bên chủ thể nhằm đáp ứng việc thực hiện quyền của chủ thể bên kia



CHƯƠNG 5: QUAN HỆ PHÁP LUẬT

CÓ 3 CĂN CỨ XÁC LẬP QUAN HỆ PHÁP LUẬT

Có quy phạm pháp luật điều chỉnh

Quy phạm pháp luật là điều kiện tiên quyết để xác lập bất kỳ quan hệ pháp luật nào, đảm bảo tính hợp pháp và khả năng thực thi.

Có sự kiện pháp lý này sinh

Sự kiện pháp lý là những tình huống cụ thể dẫn đến việc hình thành hoặc kết thúc quan hệ pháp luật, giúp xác định trách nhiệm và quyền lợi của các bên.

Chủ thể có đủ năng lực pháp luật khi tham gia quan hệ pháp luật

Năng lực pháp luật của các chủ thể tham gia là yếu tố quan trọng, đảm bảo họ có quyền và khả năng thực hiện các quyền và nghĩa vụ trong quan hệ pháp luật.



CHƯƠNG 5: QUAN HỆ PHÁP LUẬT

III. SỰ KIỆN PHÁP LÝ

1. Khái niệm:

Là những sự kiện đã xảy ra trong thực tế đã được pháp luật dự liệu trong QPPL có tác dụng làm **phát sinh, thay đổi, chấm dứt** QHPL cụ thể.



CHƯƠNG 5: QUAN HỆ PHÁP LUẬT

PHÂN LOẠI SỰ KIỆN PHÁP LÝ





CHƯƠNG 5: QUAN HỆ PHÁP LUẬT

III. SỰ KIỆN PHÁP LÝ

2. Phân loại

Dựa vào mối quan hệ với những sự kiện xảy ra đối với ý chí của các chủ thể tham gia QHPL, có 2 loại:

- ❖ **Hành vi:** là những sự việc xảy ra theo ý chí của con người.
 - Hành vi hành động và hành vi không hành động
 - Hành vi hợp pháp và hành vi bất hợp pháp
- ❖ **Sự biến:** là những sự kiện pháp lý xảy ra trong tự nhiên, không phụ thuộc vào ý chí của con người, nhưng cũng làm phát sinh, thay đổi hay chấm dứt QHPL



ÔN TẬP

1. Tuỳ vào kiểu nhà nước khác nhau mà nhà nước có thể mang bản chất giai cấp hoặc bản chất xã hội.
2. Theo thuyết thần học, nhà nước là lực lượng siêu nhiên, do thượng đế tạo ra và tồn tại vĩnh cửu.
3. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của người dân cả nước tại Việt Nam.
4. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao được Chủ tịch nước bổ nhiệm.
5. Nghị định là văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền ban hành.
6. Án lệ được Quốc Hội ban hành và đảm bảo thực hiện.



ÔN TẬP

1. Tuỳ vào kiểu nhà nước khác nhau mà nhà nước có thể mang bản chất giai cấp hoặc bản chất xã hội.

Sai. Vì một nhà nước luôn có hai bản chất là bản chất giai cấp và bản chất xã hội và tùy vào từng kiểu nhà nước mà bản chất giai cấp hoặc bản chất xã hội sẽ được thể hiện rõ nét hơn

2. Theo thuyết gia trưởng, nhà nước là lực lượng siêu nhiên, do thượng đế tạo ra và tồn tại vĩnh cửu.

Sai. Vì theo học thuyết gia trưởng, Nhà nước là kết quả sự phát triển của gia đình, quyền lực NN giống quyền của người đứng đầu gia đình.

3. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của người dân cả nước tại Việt Nam.

Đúng. Vì theo Điều 69 Hiến Pháp 2013 quy định Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.



ÔN TẬP

4. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao được Chủ tịch nước bổ nhiệm.

Sai. Vì Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao do Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch nước.

5. Nghị định là văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền ban hành.

Sai. Nghị định là văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành.

6. Án lệ được Quốc Hội ban hành và đảm bảo thực hiện.

Sai. Vì án lệ là những lập luận, phán quyết trong bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án về một vụ việc cụ thể được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao lựa chọn và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao công bố là án lệ.



ÔN TẬP

1. Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người đứng đầu nhà nước.
2. Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan thực hiện được chức năng xét xử.
3. Ở nước ta, sự phân quyền và cơ chế kiềm chế, đối trọng giữa các cơ quan nhà nước là biểu hiện quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.
4. Chính phủ luôn chịu trách nhiệm trước Quốc hội hoặc Nghị viện
5. Pháp luật Việt Nam không chấp nhận các luật tục vì tính chất tùy tiện của nguồn này.